

Số: 2603848

|                                            | Kia New Morning GT-Line            | Kia New Sonet 1.5 AT |
|--------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>469.000.000đ</b>                | <b>499.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                    |                      |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 3595 x 1595 x 1495                 | 4120 x 1790 x 1642   |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2400                               | 2500                 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 4700                               | 5300                 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 151                                | 205                  |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 960                                | 1095                 |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1370                               | 1580                 |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 255L                               | 392                  |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 35L                                | 45                   |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                  | 5                    |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                   | SX-LR trong nước     |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                    |                      |
| Loại động cơ                               | Xăng, Kappa 1.25L                  | Smartstream 1.5G     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1248                               | 1497                 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 83 / 6000                          | 113 Hp / 6300 rpm    |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 122 / 4000                         | 144 Nm / 4500 rpm    |
| Hộp số                                     | 4AT                                | CVT                  |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                    | Cầu trước (FWD)      |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                         | MacPherson           |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                         | Thanh xoắn           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                | Đĩa                  |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống                         | Tang trống           |
| Thông số lốp xe                            | 185/55 R15                         | 215/60 R16           |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.74                               | 6.67                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.68                               | 5.55                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.82                               | 5.97                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                    |                      |
| Cụm đèn trước                              | LED                                | Halogen              |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                  | ●                    |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                  | Halogen              |
| Cụm đèn sau                                | LED                                | Halogen              |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | Có sấy và tích hợp báo rẽ          | ●                    |
| Trang bị khác                              | Baga mui, Viền chân kính mạ Chrome | Baga mui             |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                    |                      |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                  | Urethane             |
| Chất liệu ghế                              | Da                                 | Da Simili            |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                                  | ●                    |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                  | ●                    |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | LCD 4.2"                           | 4.2"                 |
| Màn hình giải trí trung tâm                | AVN 8"                             | 8"                   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | Không dây                          | ●                    |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                                  | Chỉnh cơ             |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 1                                  |                      |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                                  |                      |

|                            |       |       |
|----------------------------|-------|-------|
| Khởi động nút bấm          | ●     |       |
| Hệ thống âm thanh          | 6 loa | 6 loa |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ●     |       |

#### **AN TOÀN:**

|                                   |     |   |
|-----------------------------------|-----|---|
| Số túi khí                        | 2   | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS  | ●   | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD  | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ●   | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa   | ●   |   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm      | ●   |   |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe             | Sau |   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp     | ●   |   |
| Camera lùi                        | ●   | ● |